TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

XÃ BÌNH GIANG

BỘ CHỈ SỐ 766 THÁNG 4 NĂM 2026 XẾP HẠNG 7/114 PHƯỜNG, XÃ

STT	NHÓM CHỈ TIÊU	CHỈ SỐ	CƠ QUAN	ĐƠN VỊ	LOẠI ĐƠN VỊ	TỶ LỆ %	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
1	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nguyên Giáp	Ủy ban nhân dân xã	95,98	95,98
2	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nghi Dương	Ủy ban nhân dân xã	95,96	95,96
3	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hà Đông	Ủy ban nhân dân xã	95,91	95,91
4	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Yết Kiêu	Ủy ban nhân dân xã	95,88	95,88
5	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Gia Lộc	Ủy ban nhân dân xã	95,87	95,87
6	**Tổng hợp**	**Điểm chất lượng quản trị công**	**UBND Thành phố Hải Phòng**	**UBND xã Bình Giang**	**Ủy ban nhân dân xã**	**95,86**	**95,86**
7	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tân Kỳ	Ủy ban nhân dân xã	95,86	95,86
8	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Trường	Ủy ban nhân dân xã	95,85	95,85
9	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nam Sách	Ủy ban nhân dân xã	95,85	95,85
10	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Thanh Hà	Ủy ban nhân dân xã	95,85	95,85
11	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nam Thanh Miện	Ủy ban nhân dân xã	95,84	95,84
12	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Phú Thái	Ủy ban nhân dân xã	95,83	95,83
13	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Dương Kinh	Ủy ban nhân dân xã	95,81	95,81
14	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nam Triệu	Ủy ban nhân dân xã	95,81	95,81
15	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Thái Tân	Ủy ban nhân dân xã	95,8	95,8
16	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Bảo	Ủy ban nhân dân xã	95,8	95,8
17	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Lê Thanh Nghị	Ủy ban nhân dân xã	95,79	95,79
18	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nam An Phụ	Ủy ban nhân dân xã	95,79	95,79
19	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kim Thành	Ủy ban nhân dân xã	95,78	95,78
20	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Đại Sơn	Ủy ban nhân dân xã	95,78	95,78
21	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Bắc An Phụ	Ủy ban nhân dân xã	95,77	95,77
22	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nguyễn Lương Bằng	Ủy ban nhân dân xã	95,77	95,77
23	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tuệ Tĩnh	Ủy ban nhân dân xã	95,77	95,77
24	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Am	Ủy ban nhân dân xã	95,76	95,76
25	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Thành Đông	Ủy ban nhân dân xã	95,75	95,75
26	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Chí Minh	Ủy ban nhân dân xã	95,75	95,75
27	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Thanh Miện	Ủy ban nhân dân xã	95,75	95,75
28	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Tứ Minh	Ủy ban nhân dân xã	95,74	95,74
29	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Lai Khê	Ủy ban nhân dân xã	95,73	95,73
30	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tân An	Ủy ban nhân dân xã	95,73	95,73
31	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hòa Bình	Ủy ban nhân dân xã	95,72	95,72
32	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Hải	Ủy ban nhân dân xã	95,72	95,72
33	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nguyễn Đại Năng	Ủy ban nhân dân xã	95,71	95,71
34	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Lạc Phượng	Ủy ban nhân dân xã	95,71	95,71
35	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường An Hải	Ủy ban nhân dân xã	95,7	95,7
36	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Trần Nhân Tông	Ủy ban nhân dân xã	95,7	95,7
37	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hà Nam	Ủy ban nhân dân xã	95,7	95,7
38	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Lê Ích Mộc	Ủy ban nhân dân xã	95,69	95,69
39	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nhị Chiểu	Ủy ban nhân dân xã	95,69	95,69
40	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hồng Châu	Ủy ban nhân dân xã	95,69	95,69
41	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hợp Tiến	Ủy ban nhân dân xã	95,69	95,69
42	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hải Dương	Ủy ban nhân dân xã	95,68	95,68
43	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Phú	Ủy ban nhân dân xã	95,68	95,68
44	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Chấn Hưng	Ủy ban nhân dân xã	95,68	95,68
45	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Kiến An	Ủy ban nhân dân xã	95,67	95,67
46	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Bắc Thanh Miện	Ủy ban nhân dân xã	95,67	95,67
47	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tứ Kỳ	Ủy ban nhân dân xã	95,67	95,67
48	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Kinh Môn	Ủy ban nhân dân xã	95,66	95,66
49	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nguyễn Trãi	Ủy ban nhân dân xã	95,66	95,66
50	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hà Tây	Ủy ban nhân dân xã	95,66	95,66
51	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kiến Minh	Ủy ban nhân dân xã	95,65	95,65
52	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Thượng Hồng	Ủy ban nhân dân xã	95,65	95,65
53	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Gia Phúc	Ủy ban nhân dân xã	95,64	95,64
54	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Thuận	Ủy ban nhân dân xã	95,64	95,64
55	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Thạch Khôi	Ủy ban nhân dân xã	95,62	95,62
56	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Tân Hưng	Ủy ban nhân dân xã	95,61	95,61
57	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Thành	Ủy ban nhân dân xã	95,61	95,61
58	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nam Đồng	Ủy ban nhân dân xã	95,59	95,59
59	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Hòa	Ủy ban nhân dân xã	95,59	95,59
60	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Cẩm Giang	Ủy ban nhân dân xã	95,58	95,58
61	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tiên Lãng	Ủy ban nhân dân xã	95,58	95,58
62	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nam Đồ Sơn	Ủy ban nhân dân xã	95,56	95,56
63	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Lê Chân	Ủy ban nhân dân xã	95,55	95,55
64	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Phạm Sư Mạnh	Ủy ban nhân dân xã	95,55	95,55
65	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Trần Liễu	Ủy ban nhân dân xã	95,55	95,55
66	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kẻ Sặt	Ủy ban nhân dân xã	95,53	95,53
67	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Ninh Giang	Ủy ban nhân dân xã	95,51	95,51
68	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Ái Quốc	Ủy ban nhân dân xã	95,49	95,49
69	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Thịnh	Ủy ban nhân dân xã	95,44	95,44
70	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Bạch Đằng	Ủy ban nhân dân xã	95,41	95,41
71	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tân Minh	Ủy ban nhân dân xã	95,4	95,4
72	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường An Phong	Ủy ban nhân dân xã	95,39	95,39
73	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Cẩm Giàng	Ủy ban nhân dân xã	95,34	95,34
74	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND Đặc khu Cát Hải	Ủy ban nhân dân xã	95,32	95,32
75	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Lưu Kiếm	Ủy ban nhân dân xã	95,29	95,29
76	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hùng Thắng	Ủy ban nhân dân xã	95,28	95,28
77	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Lại	Ủy ban nhân dân xã	95,27	95,27
78	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Đồ Sơn	Ủy ban nhân dân xã	95,24	95,24
79	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Lão	Ủy ban nhân dân xã	95,24	95,24

80	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hải Hưng	Ủy ban nhân dân xã	95,19	95,19
81	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Việt Khê	Ủy ban nhân dân xã	95,18	95,18
82	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hồng Bàng	Ủy ban nhân dân xã	95,16	95,16
83	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kiến Hưng	Ủy ban nhân dân xã	95,16	95,16
84	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường An Biên	Ủy ban nhân dân xã	95,15	95,15
85	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Quyết Thắng	Ủy ban nhân dân xã	95,14	95,14
86	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Khúc Thừa Dụ	Ủy ban nhân dân xã	95,1	95,1
87	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tiên Minh	Ủy ban nhân dân xã	95,1	95,1
88	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Trần Phú	Ủy ban nhân dân xã	95,05	95,05
89	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nguyễn Bỉnh Khiêm	Ủy ban nhân dân xã	95,04	95,04
90	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Trần Hưng Đạo	Ủy ban nhân dân xã	95,01	95,01
91	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kiến Hải	Ủy ban nhân dân xã	94,97	94,97
92	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Hưng	Ủy ban nhân dân xã	94,91	94,91
93	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Đường An	Ủy ban nhân dân xã	94,8	94,8
94	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Trường Tân	Ủy ban nhân dân xã	94,76	94,76
95	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hồng An	Ủy ban nhân dân xã	94,67	94,67
96	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Ngô Quyền	Ủy ban nhân dân xã	94,67	94,67
97	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hưng Đạo	Ủy ban nhân dân xã	94,57	94,57
98	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Thiên Hương	Ủy ban nhân dân xã	94,5	94,5
99	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Quang	Ủy ban nhân dân xã	94,45	94,45
100	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Phù Liễn	Ủy ban nhân dân xã	94,44	94,44
101	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hà Bắc	Ủy ban nhân dân xã	94,39	94,39
102	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Khánh	Ủy ban nhân dân xã	94,03	94,03
103	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hải An	Ủy ban nhân dân xã	93,37	93,37
104	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Chu Văn An	Ủy ban nhân dân xã	93,13	93,13
105	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Lê Đại Hành	Ủy ban nhân dân xã	92,94	92,94
106	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Thủy Nguyên	Ủy ban nhân dân xã	92,83	92,83
107	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Gia Viên	Ủy ban nhân dân xã	92,5	92,5
108	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Chí Linh	Ủy ban nhân dân xã	92,22	92,22
109	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Việt Hòa	Ủy ban nhân dân xã	92,15	92,15
110	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kiến Thụy	Ủy ban nhân dân xã	91,98	91,98
111	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường An Dương	Ủy ban nhân dân xã	91,57	91,57
112	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Mao Điền	Ủy ban nhân dân xã	91,24	91,24
113	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND Đặc khu Bạch Long Vĩ	Ủy ban nhân dân xã	91,11	91,11
114	Tổng hợp	Điểm chất lượng quản trị công	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Đông Hải	Ủy ban nhân dân xã	90,65	90,65
1	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường An Biên	Ủy ban nhân dân xã	100	18
2	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường An Dương	Ủy ban nhân dân xã	100	18
3	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường An Hải	Ủy ban nhân dân xã	100	18
4	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường An Phong	Ủy ban nhân dân xã	100	18
5	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Bạch Đằng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
6	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Bắc An Phụ	Ủy ban nhân dân xã	100	18
7	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Chu Văn An	Ủy ban nhân dân xã	100	18
8	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Chí Linh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
9	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Dương Kinh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
10	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Gia Viên	Ủy ban nhân dân xã	100	18
11	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hòa Bình	Ủy ban nhân dân xã	100	18
12	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hưng Đạo	Ủy ban nhân dân xã	100	18
13	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hải An	Ủy ban nhân dân xã	100	18
14	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hải Dương	Ủy ban nhân dân xã	100	18
15	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hồng An	Ủy ban nhân dân xã	100	18
16	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hồng Bàng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
17	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Kinh Môn	Ủy ban nhân dân xã	100	18
18	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Kiến An	Ủy ban nhân dân xã	100	18
19	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Lê Chân	Ủy ban nhân dân xã	100	18
20	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Lê Thanh Nghị	Ủy ban nhân dân xã	100	18
21	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Lê Ích Mộc	Ủy ban nhân dân xã	100	18
22	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Lê Đại Hành	Ủy ban nhân dân xã	100	18
23	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Lưu Kiếm	Ủy ban nhân dân xã	100	18
24	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nam Triệu	Ủy ban nhân dân xã	100	18
25	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nam Đồ Sơn	Ủy ban nhân dân xã	100	18
26	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nam Đồng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
27	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nguyễn Trãi	Ủy ban nhân dân xã	100	18
28	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nguyễn Đại Năng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
29	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Ngô Quyền	Ủy ban nhân dân xã	100	18
30	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nhị Chiểu	Ủy ban nhân dân xã	100	18
31	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Phù Liễn	Ủy ban nhân dân xã	100	18
32	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Phạm Sư Mạnh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
33	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Thiên Hương	Ủy ban nhân dân xã	100	18
34	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Thành Đông	Ủy ban nhân dân xã	100	18
35	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Thạch Khôi	Ủy ban nhân dân xã	100	18
36	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Thủy Nguyên	Ủy ban nhân dân xã	100	18
37	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Trần Hưng Đạo	Ủy ban nhân dân xã	100	18
38	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Trần Liễu	Ủy ban nhân dân xã	100	18
39	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Trần Nhân Tông	Ủy ban nhân dân xã	100	18
40	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Tân Hưng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
41	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Tứ Minh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
42	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Việt Hòa	Ủy ban nhân dân xã	100	18
43	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Ái Quốc	Ủy ban nhân dân xã	100	18
44	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Đông Hải	Ủy ban nhân dân xã	100	18
45	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Đồ Sơn	Ủy ban nhân dân xã	100	18
46	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Hưng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
47	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Khánh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
48	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Lão	Ủy ban nhân dân xã	100	18
49	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Phú	Ủy ban nhân dân xã	100	18
50	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Quang	Ủy ban nhân dân xã	100	18
51	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Thành	Ủy ban nhân dân xã	100	18
52	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Trường	Ủy ban nhân dân xã	100	18

53	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Bình Giang	Ủy ban nhân dân xã	100	18
54	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Bắc Thanh Miện	Ủy ban nhân dân xã	100	18
55	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Chí Minh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
56	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Chấn Hưng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
57	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Cẩm Giang	Ủy ban nhân dân xã	100	18
58	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Cẩm Giàng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
59	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Gia Lộc	Ủy ban nhân dân xã	100	18
60	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Gia Phúc	Ủy ban nhân dân xã	100	18
61	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hà Bắc	Ủy ban nhân dân xã	100	18
62	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hà Nam	Ủy ban nhân dân xã	100	18
63	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hà Tây	Ủy ban nhân dân xã	100	18
64	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hà Đông	Ủy ban nhân dân xã	100	18
65	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hùng Thắng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
66	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hải Hưng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
67	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hồng Châu	Ủy ban nhân dân xã	100	18
68	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hợp Tiến	Ủy ban nhân dân xã	100	18
69	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Khúc Thừa Dụ	Ủy ban nhân dân xã	100	18
70	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kim Thành	Ủy ban nhân dân xã	100	18
71	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kiến Hưng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
72	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kiến Hải	Ủy ban nhân dân xã	100	18
73	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kiến Minh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
74	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kiến Thụy	Ủy ban nhân dân xã	100	18
75	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kẻ Sặt	Ủy ban nhân dân xã	100	18
76	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Lai Khê	Ủy ban nhân dân xã	100	18
77	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Lạc Phượng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
78	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Mao Điền	Ủy ban nhân dân xã	100	18
79	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nam An Phụ	Ủy ban nhân dân xã	100	18
80	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nam Sách	Ủy ban nhân dân xã	100	18
81	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nam Thanh Miện	Ủy ban nhân dân xã	100	18
82	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nghi Dương	Ủy ban nhân dân xã	100	18
83	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nguyên Giáp	Ủy ban nhân dân xã	100	18
84	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nguyễn Bỉnh Khiêm	Ủy ban nhân dân xã	100	18
85	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nguyễn Lương Bằng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
86	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Ninh Giang	Ủy ban nhân dân xã	100	18
87	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Phú Thái	Ủy ban nhân dân xã	100	18
88	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Quyết Thắng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
89	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Thanh Hà	Ủy ban nhân dân xã	100	18
90	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Thanh Miện	Ủy ban nhân dân xã	100	18
91	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Thái Tân	Ủy ban nhân dân xã	100	18
92	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Thượng Hồng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
93	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tiên Lãng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
94	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tiên Minh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
95	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Trường Tân	Ủy ban nhân dân xã	100	18
96	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Trần Phú	Ủy ban nhân dân xã	100	18
97	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tuệ Tĩnh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
98	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tân An	Ủy ban nhân dân xã	100	18
99	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tân Kỳ	Ủy ban nhân dân xã	100	18
100	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tân Minh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
101	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tứ Kỳ	Ủy ban nhân dân xã	100	18
102	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Việt Khê	Ủy ban nhân dân xã	100	18
103	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Am	Ủy ban nhân dân xã	100	18
104	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Bảo	Ủy ban nhân dân xã	100	18
105	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Hòa	Ủy ban nhân dân xã	100	18
106	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Hải	Ủy ban nhân dân xã	100	18
107	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Lại	Ủy ban nhân dân xã	100	18
108	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Thuận	Ủy ban nhân dân xã	100	18
109	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Thịnh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
110	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Yết Kiêu	Ủy ban nhân dân xã	100	18
111	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Đường An	Ủy ban nhân dân xã	100	18
112	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Đại Sơn	Ủy ban nhân dân xã	100	18
113	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND Đặc khu Bạch Long Vĩ	Ủy ban nhân dân xã	100	18
114	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND Đặc khu Cát Hải	Ủy ban nhân dân xã	100	18
1	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường An Hải	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
2	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường An Phong	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
3	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Bạch Đằng	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
4	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Bắc An Phụ	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
5	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Dương Kinh	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
6	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hải Dương	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
7	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hồng An	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
8	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hồng Bàng	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
9	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Kinh Môn	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
10	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Kiến An	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
11	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Lê Chân	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
12	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nam Triệu	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
13	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nam Đồ Sơn	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
14	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nguyễn Trãi	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
15	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nguyễn Đại Năng	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
16	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nhị Chiểu	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
17	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Phạm Sư Mạnh	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
18	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Thiên Hương	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
19	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Thành Đông	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
20	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Thạch Khôi	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
21	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Trần Hưng Đạo	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
22	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Trần Nhân Tông	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
23	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Tân Hưng	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
24	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Đồ Sơn	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
25	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Khánh	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20

26	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Lão	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
27	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Phú	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
28	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Thành	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
29	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Trường	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
30	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Bình Giang	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
31	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Bắc Thanh Miện	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
32	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Chí Minh	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
33	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Chấn Hưng	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
34	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Cẩm Giang	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
35	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Cẩm Giàng	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
36	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Gia Lộc	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
37	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Gia Phúc	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
38	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hà Bắc	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
39	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hà Đông	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
40	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hùng Thắng	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
41	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hợp Tiến	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
42	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kim Thành	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
43	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kiến Hưng	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
44	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kẻ Sặt	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
45	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Lai Khê	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
46	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Lạc Phượng	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
47	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nam An Phụ	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
48	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nam Sách	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
49	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nam Thanh Miện	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
50	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nghi Dương	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
51	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nguyên Giáp	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
52	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nguyễn Lương Bằng	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
53	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Ninh Giang	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
54	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Phú Thái	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
55	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Thanh Hà	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
56	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Thanh Miện	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
57	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Thái Tân	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
58	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Thượng Hồng	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
59	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tiên Lãng	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
60	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Trần Phú	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
61	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tuệ Tĩnh	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
62	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tân An	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
63	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tân Kỳ	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
64	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tân Minh	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
65	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tứ Kỳ	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
66	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Việt Khê	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
67	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Am	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
68	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Bảo	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
69	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Hòa	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
70	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Hải	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
71	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Thuận	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
72	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Thịnh	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
73	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Đường An	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
74	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Đại Sơn	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
75	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND Đặc khu Cát Hải	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
76	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Lê Ích Mộc	Ủy ban nhân dân xã	90,82	20
77	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hà Nam	Ủy ban nhân dân xã	90,73	20
78	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Yết Kiêu	Ủy ban nhân dân xã	90,73	20
79	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Lưu Kiếm	Ủy ban nhân dân xã	90,64	19,9
80	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Ái Quốc	Ủy ban nhân dân xã	90,64	19,9
81	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Trần Liễu	Ủy ban nhân dân xã	90,59	19,9
82	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kiến Minh	Ủy ban nhân dân xã	90,45	19,9
83	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Lê Thanh Nghị	Ủy ban nhân dân xã	90,41	19,9
84	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nam Đồng	Ủy ban nhân dân xã	90,36	19,9
85	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hải Hưng	Ủy ban nhân dân xã	90,36	19,9
86	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Quyết Thắng	Ủy ban nhân dân xã	90,36	19,9
87	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Lại	Ủy ban nhân dân xã	90,36	19,9
88	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hòa Bình	Ủy ban nhân dân xã	90,23	19,9
89	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Khúc Thừa Dụ	Ủy ban nhân dân xã	90,23	19,9
90	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Tứ Minh	Ủy ban nhân dân xã	90,18	19,8
91	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hưng Đạo	Ủy ban nhân dân xã	90,09	19,8
92	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hà Tây	Ủy ban nhân dân xã	90,09	19,8
93	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Hưng	Ủy ban nhân dân xã	89,86	19,8
94	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hồng Châu	Ủy ban nhân dân xã	89,82	19,8
95	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kiến Hải	Ủy ban nhân dân xã	89,77	19,8
96	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường An Biên	Ủy ban nhân dân xã	89,41	19,7
97	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Phù Liễn	Ủy ban nhân dân xã	89,23	19,6
98	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tiên Minh	Ủy ban nhân dân xã	88,82	19,5
99	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nguyễn Bỉnh Khiêm	Ủy ban nhân dân xã	88,77	19,5
100	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Ngô Quyền	Ủy ban nhân dân xã	88,41	19,5
101	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Quang	Ủy ban nhân dân xã	88,14	19,4
102	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Trường Tân	Ủy ban nhân dân xã	88,09	19,4
103	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hải An	Ủy ban nhân dân xã	80,68	17,8
104	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Chu Văn An	Ủy ban nhân dân xã	79,82	17,6
105	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Lê Đại Hành	Ủy ban nhân dân xã	78	17,2
106	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Gia Viên	Ủy ban nhân dân xã	77,77	17,1
107	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Thủy Nguyên	Ủy ban nhân dân xã	77,27	17
108	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Việt Hòa	Ủy ban nhân dân xã	76,82	16,9
109	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kiến Thụy	Ủy ban nhân dân xã	75,45	16,6
110	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường An Dương	Ủy ban nhân dân xã	75,36	16,6
111	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Chí Linh	Ủy ban nhân dân xã	74,45	16,4
112	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND Đặc khu Bạch Long Vĩ	Ủy ban nhân dân xã	74,27	16,3
113	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Mao Điền	Ủy ban nhân dân xã	71,18	15,7
114	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Đông Hải	Ủy ban nhân dân xã	70,05	15,4
1	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường An Biên	Ủy ban nhân dân xã	100	18
2	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường An Dương	Ủy ban nhân dân xã	100	18

3	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường An Hải	Ủy ban nhân dân xã	100	18
4	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường An Phong	Ủy ban nhân dân xã	100	18
5	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Bạch Đằng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
6	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Bắc An Phụ	Ủy ban nhân dân xã	100	18
7	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Chu Văn An	Ủy ban nhân dân xã	100	18
8	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Chí Linh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
9	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Dương Kinh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
10	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Gia Viên	Ủy ban nhân dân xã	100	18
11	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hòa Bình	Ủy ban nhân dân xã	100	18
12	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hưng Đạo	Ủy ban nhân dân xã	100	18
13	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hải An	Ủy ban nhân dân xã	100	18
14	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hải Dương	Ủy ban nhân dân xã	100	18
15	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hồng An	Ủy ban nhân dân xã	100	18
16	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hồng Bàng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
17	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Kinh Môn	Ủy ban nhân dân xã	100	18
18	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Kiến An	Ủy ban nhân dân xã	100	18
19	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Lê Chân	Ủy ban nhân dân xã	100	18
20	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Lê Thanh Nghị	Ủy ban nhân dân xã	100	18
21	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Lê Ích Mộc	Ủy ban nhân dân xã	100	18
22	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Lê Đại Hành	Ủy ban nhân dân xã	100	18
23	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Lưu Kiếm	Ủy ban nhân dân xã	100	18
24	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nam Triệu	Ủy ban nhân dân xã	100	18
25	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nam Đồ Sơn	Ủy ban nhân dân xã	100	18
26	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nam Đồng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
27	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nguyễn Trãi	Ủy ban nhân dân xã	100	18
28	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nguyễn Đại Năng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
29	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Ngô Quyền	Ủy ban nhân dân xã	100	18
30	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nhị Chiểu	Ủy ban nhân dân xã	100	18
31	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Phù Liễn	Ủy ban nhân dân xã	100	18
32	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Phạm Sư Mạnh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
33	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Thiên Hương	Ủy ban nhân dân xã	100	18
34	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Thành Đông	Ủy ban nhân dân xã	100	18
35	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Thạch Khôi	Ủy ban nhân dân xã	100	18
36	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Thủy Nguyên	Ủy ban nhân dân xã	100	18
37	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Trần Hưng Đạo	Ủy ban nhân dân xã	100	18
38	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Trần Liễu	Ủy ban nhân dân xã	100	18
39	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Trần Nhân Tông	Ủy ban nhân dân xã	100	18
40	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Tân Hưng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
41	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Tứ Minh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
42	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Việt Hòa	Ủy ban nhân dân xã	100	18
43	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Ái Quốc	Ủy ban nhân dân xã	100	18
44	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Đông Hải	Ủy ban nhân dân xã	100	18
45	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Đồ Sơn	Ủy ban nhân dân xã	100	18
46	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Hưng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
47	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Khánh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
48	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Lão	Ủy ban nhân dân xã	100	18
49	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Phú	Ủy ban nhân dân xã	100	18
50	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Quang	Ủy ban nhân dân xã	100	18
51	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Thành	Ủy ban nhân dân xã	100	18
52	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Trường	Ủy ban nhân dân xã	100	18
53	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Bình Giang	Ủy ban nhân dân xã	100	18
54	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Bắc Thanh Miện	Ủy ban nhân dân xã	100	18
55	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Chí Minh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
56	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Chấn Hưng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
57	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Cẩm Giang	Ủy ban nhân dân xã	100	18
58	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Cẩm Giàng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
59	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Gia Lộc	Ủy ban nhân dân xã	100	18
60	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Gia Phúc	Ủy ban nhân dân xã	100	18
61	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hà Bắc	Ủy ban nhân dân xã	100	18
62	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hà Nam	Ủy ban nhân dân xã	100	18
63	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hà Tây	Ủy ban nhân dân xã	100	18
64	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hà Đông	Ủy ban nhân dân xã	100	18
65	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hùng Thắng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
66	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hải Hưng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
67	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hồng Châu	Ủy ban nhân dân xã	100	18
68	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hợp Tiến	Ủy ban nhân dân xã	100	18
69	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Khúc Thừa Dụ	Ủy ban nhân dân xã	100	18
70	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kim Thành	Ủy ban nhân dân xã	100	18
71	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kiến Hưng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
72	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kiến Hải	Ủy ban nhân dân xã	100	18
73	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kiến Minh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
74	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kiến Thụy	Ủy ban nhân dân xã	100	18
75	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kẻ Sặt	Ủy ban nhân dân xã	100	18
76	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Lai Khê	Ủy ban nhân dân xã	100	18
77	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Lạc Phượng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
78	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Mao Điền	Ủy ban nhân dân xã	100	18
79	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nam An Phụ	Ủy ban nhân dân xã	100	18
80	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nam Sách	Ủy ban nhân dân xã	100	18
81	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nam Thanh Miện	Ủy ban nhân dân xã	100	18
82	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nghi Dương	Ủy ban nhân dân xã	100	18
83	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nguyên Giáp	Ủy ban nhân dân xã	100	18
84	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nguyễn Bỉnh Khiêm	Ủy ban nhân dân xã	100	18
85	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nguyễn Lương Bằng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
86	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Ninh Giang	Ủy ban nhân dân xã	100	18
87	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Phú Thái	Ủy ban nhân dân xã	100	18
88	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Quyết Thắng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
89	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Thanh Hà	Ủy ban nhân dân xã	100	18

90	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Thanh Miện	Ủy ban nhân dân xã	100	18
91	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Thái Tân	Ủy ban nhân dân xã	100	18
92	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Thượng Hồng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
93	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tiên Lãng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
94	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tiên Minh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
95	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Trường Tân	Ủy ban nhân dân xã	100	18
96	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Trần Phú	Ủy ban nhân dân xã	100	18
97	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tuệ Tĩnh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
98	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tân An	Ủy ban nhân dân xã	100	18
99	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tân Kỳ	Ủy ban nhân dân xã	100	18
100	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tân Minh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
101	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tứ Kỳ	Ủy ban nhân dân xã	100	18
102	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Việt Khê	Ủy ban nhân dân xã	100	18
103	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Am	Ủy ban nhân dân xã	100	18
104	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Bảo	Ủy ban nhân dân xã	100	18
105	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Hòa	Ủy ban nhân dân xã	100	18
106	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Hải	Ủy ban nhân dân xã	100	18
107	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Lại	Ủy ban nhân dân xã	100	18
108	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Thuận	Ủy ban nhân dân xã	100	18
109	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Thịnh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
110	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Yết Kiêu	Ủy ban nhân dân xã	100	18
111	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Đường An	Ủy ban nhân dân xã	100	18
112	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Đại Sơn	Ủy ban nhân dân xã	100	18
113	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND Đặc khu Bạch Long Vĩ	Ủy ban nhân dân xã	100	18
114	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND Đặc khu Cát Hải	Ủy ban nhân dân xã	100	18
1	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nguyễn Giáp	Ủy ban nhân dân xã	90,82	20
2	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nghi Dương	Ủy ban nhân dân xã	90,73	20
3	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Thủy Nguyên	Ủy ban nhân dân xã	90,68	20
4	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nam Sách	Ủy ban nhân dân xã	90,68	20
5	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tân Kỳ	Ủy ban nhân dân xã	90,64	19,9
6	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Yết Kiêu	Ủy ban nhân dân xã	90,64	19,9
7	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hồng Châu	Ủy ban nhân dân xã	90,59	19,9
8	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Tứ Minh	Ủy ban nhân dân xã	90,55	19,9
9	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Chấn Hưng	Ủy ban nhân dân xã	90,55	19,9
10	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hà Đông	Ủy ban nhân dân xã	90,55	19,9
11	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Phú Thái	Ủy ban nhân dân xã	90,55	19,9
12	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Am	Ủy ban nhân dân xã	90,55	19,9
13	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Chí Linh	Ủy ban nhân dân xã	90,5	19,9
14	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nguyễn Đại Năng	Ủy ban nhân dân xã	90,5	19,9
15	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Lê Thanh Nghị	Ủy ban nhân dân xã	90,45	19,9
16	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hòa Bình	Ủy ban nhân dân xã	90,41	19,9
17	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hà Tây	Ủy ban nhân dân xã	90,41	19,9
18	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nam An Phụ	Ủy ban nhân dân xã	90,41	19,9
19	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Gia Lộc	Ủy ban nhân dân xã	90,36	19,9
20	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Trường	Ủy ban nhân dân xã	90,32	19,9
21	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nam Thanh Miện	Ủy ban nhân dân xã	90,32	19,9
22	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Bình Giang	Ủy ban nhân dân xã	90,27	19,9
23	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Dương Kinh	Ủy ban nhân dân xã	90,23	19,9
24	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nam Triệu	Ủy ban nhân dân xã	90,23	19,9
25	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Thanh Hà	Ủy ban nhân dân xã	90,23	19,9
26	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Thái Tân	Ủy ban nhân dân xã	90,23	19,9
27	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Lê Ích Mộc	Ủy ban nhân dân xã	90,18	19,8
28	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Lê Đại Hành	Ủy ban nhân dân xã	90,14	19,8
29	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Hòa	Ủy ban nhân dân xã	90,14	19,8
30	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hà Nam	Ủy ban nhân dân xã	90,09	19,8
31	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nguyễn Lương Bằng	Ủy ban nhân dân xã	90,05	19,8
32	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Thanh Miện	Ủy ban nhân dân xã	90,05	19,8
33	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Bắc An Phụ	Ủy ban nhân dân xã	90	19,8
34	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nam Đồng	Ủy ban nhân dân xã	90	19,8
35	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Chí Minh	Ủy ban nhân dân xã	90	19,8
36	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kiến Minh	Ủy ban nhân dân xã	90	19,8
37	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tuệ Tĩnh	Ủy ban nhân dân xã	90	19,8
38	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Bảo	Ủy ban nhân dân xã	90	19,8
39	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Đại Sơn	Ủy ban nhân dân xã	90	19,8
40	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Thành Đông	Ủy ban nhân dân xã	89,95	19,8
41	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Hải	Ủy ban nhân dân xã	89,95	19,8
42	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kim Thành	Ủy ban nhân dân xã	89,91	19,8
43	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Kinh Môn	Ủy ban nhân dân xã	89,86	19,8
44	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Lai Khê	Ủy ban nhân dân xã	89,86	19,8
45	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường An Hải	Ủy ban nhân dân xã	89,82	19,8
46	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Kiến An	Ủy ban nhân dân xã	89,82	19,8
47	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường An Dương	Ủy ban nhân dân xã	89,77	19,8
48	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Gia Phúc	Ủy ban nhân dân xã	89,77	19,8
49	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kẻ Sặt	Ủy ban nhân dân xã	89,77	19,8
50	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tiên Lãng	Ủy ban nhân dân xã	89,77	19,8
51	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Thượng Hồng	Ủy ban nhân dân xã	89,73	19,7
52	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tân An	Ủy ban nhân dân xã	89,73	19,7
53	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hải Dương	Ủy ban nhân dân xã	89,64	19,7
54	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Phú	Ủy ban nhân dân xã	89,64	19,7
55	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nhị Chiểu	Ủy ban nhân dân xã	89,59	19,7
56	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Trần Nhân Tông	Ủy ban nhân dân xã	89,59	19,7
57	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Lạc Phượng	Ủy ban nhân dân xã	89,59	19,7
58	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Phạm Sư Mạnh	Ủy ban nhân dân xã	89,55	19,7
59	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Trần Liễu	Ủy ban nhân dân xã	89,55	19,7
60	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Bắc Thanh Miện	Ủy ban nhân dân xã	89,55	19,7
61	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Thành	Ủy ban nhân dân xã	89,5	19,7
62	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hợp Tiến	Ủy ban nhân dân xã	89,5	19,7
63	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Trường Tân	Ủy ban nhân dân xã	89,5	19,7
64	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường An Biên	Ủy ban nhân dân xã	89,45	19,7

65	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hải An	Ủy ban nhân dân xã	89,45	19,7
66	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tứ Kỳ	Ủy ban nhân dân xã	89,41	19,7
67	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nam Đồ Sơn	Ủy ban nhân dân xã	89,36	19,7
68	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nguyễn Trãi	Ủy ban nhân dân xã	89,36	19,7
69	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Phù Liễn	Ủy ban nhân dân xã	89,36	19,7
70	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Cẩm Giang	Ủy ban nhân dân xã	89,36	19,7
71	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tiên Minh	Ủy ban nhân dân xã	89,36	19,7
72	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Thuận	Ủy ban nhân dân xã	89,36	19,7
73	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Chu Văn An	Ủy ban nhân dân xã	89,18	19,6
74	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Thạch Khôi	Ủy ban nhân dân xã	89,18	19,6
75	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Lê Chân	Ủy ban nhân dân xã	89,14	19,6
76	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Tân Hưng	Ủy ban nhân dân xã	89,14	19,6
77	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Quang	Ủy ban nhân dân xã	89,14	19,6
78	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kiến Hưng	Ủy ban nhân dân xã	89,09	19,6
79	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Ái Quốc	Ủy ban nhân dân xã	89,05	19,6
80	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Ninh Giang	Ủy ban nhân dân xã	89,05	19,6
81	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Mao Điền	Ủy ban nhân dân xã	89	19,6
82	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kiến Thụy	Ủy ban nhân dân xã	88,82	19,5
83	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nguyễn Bỉnh Khiêm	Ủy ban nhân dân xã	88,82	19,5
84	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hưng Đạo	Ủy ban nhân dân xã	88,73	19,5
85	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tân Minh	Ủy ban nhân dân xã	88,73	19,5
86	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Lại	Ủy ban nhân dân xã	88,68	19,5
87	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường An Phong	Ủy ban nhân dân xã	88,64	19,5
88	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Hưng	Ủy ban nhân dân xã	88,64	19,5
89	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Bạch Đằng	Ủy ban nhân dân xã	88,55	19,5
90	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Thịnh	Ủy ban nhân dân xã	88,5	19,5
91	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Lưu Kiếm	Ủy ban nhân dân xã	88,45	19,5
92	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Gia Viên	Ủy ban nhân dân xã	88,32	19,4
93	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Đồ Sơn	Ủy ban nhân dân xã	88,32	19,4
94	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hùng Thắng	Ủy ban nhân dân xã	88,09	19,4
95	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hồng Bàng	Ủy ban nhân dân xã	87,95	19,4
96	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Cẩm Giàng	Ủy ban nhân dân xã	87,95	19,4
97	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND Đặc khu Cát Hải	Ủy ban nhân dân xã	87,95	19,4
98	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kiến Hải	Ủy ban nhân dân xã	87,91	19,3
99	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hồng An	Ủy ban nhân dân xã	87,86	19,3
100	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Đông Hải	Ủy ban nhân dân xã	87,82	19,3
101	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hải Hưng	Ủy ban nhân dân xã	87,77	19,3
102	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Ngô Quyền	Ủy ban nhân dân xã	87,55	19,3
103	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Việt Hòa	Ủy ban nhân dân xã	87,55	19,3
104	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Khúc Thừa Dụ	Ủy ban nhân dân xã	87,55	19,3
105	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Quyết Thắng	Ủy ban nhân dân xã	87,55	19,3
106	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Lão	Ủy ban nhân dân xã	87,45	19,2
107	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Việt Khê	Ủy ban nhân dân xã	87,45	19,2
108	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Đường An	Ủy ban nhân dân xã	87,27	19,2
109	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Trần Phú	Ủy ban nhân dân xã	86,59	19,1
110	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Trần Hưng Đạo	Ủy ban nhân dân xã	86,45	19
111	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND Đặc khu Bạch Long Vĩ	Ủy ban nhân dân xã	85,32	18,8
112	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Khánh	Ủy ban nhân dân xã	85,14	18,7
113	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Thiên Hương	Ủy ban nhân dân xã	84,91	18,7
114	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hà Bắc	Ủy ban nhân dân xã	83,73	18,4
1	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Lê Thanh Nghị	Ủy ban nhân dân xã	100	20
2	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nguyễn Trãi	Ủy ban nhân dân xã	100	20
3	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Thạch Khôi	Ủy ban nhân dân xã	100	20
4	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Tân Hưng	Ủy ban nhân dân xã	100	20
5	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Lão	Ủy ban nhân dân xã	100	20
6	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Bình Giang	Ủy ban nhân dân xã	100	20
7	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hải Hưng	Ủy ban nhân dân xã	100	20
8	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hồng Châu	Ủy ban nhân dân xã	100	20
9	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hợp Tiến	Ủy ban nhân dân xã	100	20
10	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kim Thành	Ủy ban nhân dân xã	100	20
11	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Lạc Phượng	Ủy ban nhân dân xã	100	20
12	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Mao Điền	Ủy ban nhân dân xã	100	20
13	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nghi Dương	Ủy ban nhân dân xã	100	20
14	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nguyên Giáp	Ủy ban nhân dân xã	100	20
15	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Quyết Thắng	Ủy ban nhân dân xã	100	20
16	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Thanh Hà	Ủy ban nhân dân xã	100	20
17	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Trần Phú	Ủy ban nhân dân xã	100	20
18	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tứ Kỳ	Ủy ban nhân dân xã	100	20
19	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Bảo	Ủy ban nhân dân xã	100	20
20	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND Đặc khu Bạch Long Vĩ	Ủy ban nhân dân xã	100	20
21	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Trần Hưng Đạo	Ủy ban nhân dân xã	99,95	20
22	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Trần Nhân Tông	Ủy ban nhân dân xã	99,95	20
23	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Việt Hòa	Ủy ban nhân dân xã	99,95	20
24	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Cẩm Giàng	Ủy ban nhân dân xã	99,95	20
25	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Gia Lộc	Ủy ban nhân dân xã	99,95	20
26	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hà Đông	Ủy ban nhân dân xã	99,95	20
27	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Khúc Thừa Dụ	Ủy ban nhân dân xã	99,95	20
28	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tân An	Ủy ban nhân dân xã	99,95	20
29	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hòa Bình	Ủy ban nhân dân xã	99,9	20
30	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nhị Chiểu	Ủy ban nhân dân xã	99,9	20
31	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Tứ Minh	Ủy ban nhân dân xã	99,9	20
32	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Trường	Ủy ban nhân dân xã	99,9	20
33	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Thuận	Ủy ban nhân dân xã	99,9	20
34	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Yết Kiêu	Ủy ban nhân dân xã	99,9	20
35	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Đại Sơn	Ủy ban nhân dân xã	99,9	20
36	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Bắc An Phụ	Ủy ban nhân dân xã	99,85	20
37	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Bắc Thanh Miện	Ủy ban nhân dân xã	99,85	20
38	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hà Bắc	Ủy ban nhân dân xã	99,85	20
39	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nam Thanh Miện	Ủy ban nhân dân xã	99,85	20

40	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nguyễn Bỉnh Khiêm	Ủy ban nhân dân xã	99,85	20
41	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tuệ Tĩnh	Ủy ban nhân dân xã	99,85	20
42	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Thịnh	Ủy ban nhân dân xã	99,85	20
43	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND Đặc khu Cát Hải	Ủy ban nhân dân xã	99,85	20
44	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Dương Kinh	Ủy ban nhân dân xã	99,8	20
45	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Gia Viên	Ủy ban nhân dân xã	99,8	20
46	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hải Dương	Ủy ban nhân dân xã	99,8	20
47	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nam Triệu	Ủy ban nhân dân xã	99,8	20
48	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Ngô Quyền	Ủy ban nhân dân xã	99,8	20
49	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Thành Đông	Ủy ban nhân dân xã	99,8	20
50	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Ái Quốc	Ủy ban nhân dân xã	99,8	20
51	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Phú	Ủy ban nhân dân xã	99,8	20
52	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Lai Khê	Ủy ban nhân dân xã	99,8	20
53	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nguyễn Lương Bằng	Ủy ban nhân dân xã	99,8	20
54	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Chu Văn An	Ủy ban nhân dân xã	99,75	20
55	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Lê Đại Hành	Ủy ban nhân dân xã	99,75	20
56	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Chí Minh	Ủy ban nhân dân xã	99,75	20
57	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hà Tây	Ủy ban nhân dân xã	99,75	20
58	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kiến Minh	Ủy ban nhân dân xã	99,75	20
59	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Thái Tân	Ủy ban nhân dân xã	99,75	20
60	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường An Hải	Ủy ban nhân dân xã	99,7	19,9
61	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hải An	Ủy ban nhân dân xã	99,7	19,9
62	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Lê Chân	Ủy ban nhân dân xã	99,7	19,9
63	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Thanh Miện	Ủy ban nhân dân xã	99,7	19,9
64	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Việt Khê	Ủy ban nhân dân xã	99,7	19,9
65	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Bạch Đằng	Ủy ban nhân dân xã	99,65	19,9
66	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Chí Linh	Ủy ban nhân dân xã	99,65	19,9
67	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Hải	Ủy ban nhân dân xã	99,65	19,9
68	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Trần Liễu	Ủy ban nhân dân xã	99,6	19,9
69	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Đông Hải	Ủy ban nhân dân xã	99,6	19,9
70	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Thành	Ủy ban nhân dân xã	99,6	19,9
71	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Cẩm Giang	Ủy ban nhân dân xã	99,6	19,9
72	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hà Nam	Ủy ban nhân dân xã	99,6	19,9
73	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Ninh Giang	Ủy ban nhân dân xã	99,6	19,9
74	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tân Kỳ	Ủy ban nhân dân xã	99,6	19,9
75	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Kiến An	Ủy ban nhân dân xã	99,55	19,9
76	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nam Đồng	Ủy ban nhân dân xã	99,55	19,9
77	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Phú Thái	Ủy ban nhân dân xã	99,55	19,9
78	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Thượng Hồng	Ủy ban nhân dân xã	99,55	19,9
79	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nam Đồ Sơn	Ủy ban nhân dân xã	99,5	19,9
80	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Hùng Thắng	Ủy ban nhân dân xã	99,5	19,9
81	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nam An Phụ	Ủy ban nhân dân xã	99,5	19,9
82	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Nam Sách	Ủy ban nhân dân xã	99,5	19,9
83	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tiên Minh	Ủy ban nhân dân xã	99,5	19,9
84	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường An Phong	Ủy ban nhân dân xã	99,45	19,9
85	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Kinh Môn	Ủy ban nhân dân xã	99,45	19,9
86	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Lưu Kiếm	Ủy ban nhân dân xã	99,45	19,9
87	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Gia Phúc	Ủy ban nhân dân xã	99,45	19,9
88	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Thủy Nguyên	Ủy ban nhân dân xã	99,4	19,9
89	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kiến Hải	Ủy ban nhân dân xã	99,4	19,9
90	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tân Minh	Ủy ban nhân dân xã	99,4	19,9
91	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Lại	Ủy ban nhân dân xã	99,4	19,9
92	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Lê Ích Mộc	Ủy ban nhân dân xã	99,35	19,9
93	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Phạm Sư Mạnh	Ủy ban nhân dân xã	99,25	19,9
94	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kiến Thụy	Ủy ban nhân dân xã	99,2	19,8
95	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Am	Ủy ban nhân dân xã	99,2	19,8
96	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Tiên Lãng	Ủy ban nhân dân xã	99,15	19,8
97	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Thiên Hương	Ủy ban nhân dân xã	99,1	19,8
98	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hồng Bàng	Ủy ban nhân dân xã	99,05	19,8
99	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Đồ Sơn	Ủy ban nhân dân xã	99,05	19,8
100	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường An Biên	Ủy ban nhân dân xã	99	19,8
101	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Nguyễn Đại Năng	Ủy ban nhân dân xã	99	19,8
102	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kẻ Sặt	Ủy ban nhân dân xã	98,9	19,8
103	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Chấn Hưng	Ủy ban nhân dân xã	98,8	19,8
104	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Vĩnh Hòa	Ủy ban nhân dân xã	98,8	19,8
105	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Trường Tân	Ủy ban nhân dân xã	98,45	19,7
106	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Hưng	Ủy ban nhân dân xã	98,2	19,6
107	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Đường An	Ủy ban nhân dân xã	98	19,6
108	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã Kiến Hưng	Ủy ban nhân dân xã	97,8	19,6
109	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Quang	Ủy ban nhân dân xã	97,25	19,5
110	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hồng An	Ủy ban nhân dân xã	96,7	19,3
111	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND xã An Khánh	Ủy ban nhân dân xã	96,5	19,3
112	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường An Dương	Ủy ban nhân dân xã	96,2	19,2
113	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Hưng Đạo	Ủy ban nhân dân xã	96,15	19,2
114	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND Thành phố Hải Phòng	UBND phường Phù Liễn	Ủy ban nhân dân xã	95,75	19,2